

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán Quan trắc môi trường
Công trình: Cơ sở hạ tầng khu dịch vụ du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt thuộc
dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị**

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 77/TTr-BIIG2-KT ngày 13/7/2021), Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn bản số 1492/STN&MT-CCBVM ngày 19/5/202) và Sở Tài chính (Văn bản số 2186/STC-TCĐT ngày 29/6/2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán Quan trắc môi trường công trình Cơ sở hạ tầng khu dịch vụ du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên nhiệm vụ: Quan trắc môi trường công trình Cơ sở hạ tầng khu dịch vụ du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt;

Thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị;

2. Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Địa điểm thực hiện: tại huyện Vĩnh Linh và Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

4. Nguồn vốn: Vốn đối ứng chính phủ Việt Nam.

5. Nội dung thực hiện:

5.1. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin



- Khảo sát hiện trạng môi trường của khu vực công trình trong quá trình thi công công trình.

- Thu thập thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực công trình đi qua.

- Khảo sát các tác động của trong quá trình thi công công trình đến môi trường và dân cư khu vực công trình đi qua.

- Tổ chức giám sát việc thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công công trình.

5.2. Tiến hành lấy mẫu và phân tích mẫu

- Khảo sát, lựa chọn vị trí lấy mẫu phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng của khu vực tại các vị trí theo kế hoạch quản lý môi trường đã được phê duyệt và thông qua quá trình khảo sát.

- Đo đạc, phân tích các thông số về chất lượng môi trường.

5.3. Tổng hợp số liệu và viết báo cáo quan trắc, giám sát

Từ kết quả chất lượng các thành phần môi trường, thông tin thu thập trong quá trình giám sát, tham vấn cộng đồng và tham khảo thêm số liệu, dữ liệu môi trường quan trắc chất lượng môi trường hằng năm của tỉnh để tổng hợp kết quả, viết báo cáo tổng hợp sau mỗi đợt giám sát và báo cáo tổng kết sau khi kết thúc dự án.

6. Dự toán: 219.467.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười chín triệu, bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

(chi tiết tại phụ lục đính kèm)

7. Tiến độ thực hiện: 2 năm

Điều 2. Ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư; các trưởng phòng: Kinh tế ngành, Quy hoạch – Tổng hợp; Giám ban QLDA Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, CN.



GIÁM ĐỐC

Trương Chí Trung



Phụ lục: Dự toán Quan trắc môi trường

Công trình: Cơ sở hạ tầng khu dịch vụ du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt
thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị

(Đính kèm theo Quyết định số: 100/QĐ-SKH-KTN ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất (lần/năm)	Số năm quan trắc	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	Giai đoạn trước khi khởi công dự án						47.446.000	
I	Chi phí khảo sát, lựa chọn vị trí và nhân công lấy mẫu	công	1	1	1	227.692	228.000	Công văn 1335/UBND-CN ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh
II	Chi phí tổng hợp báo cáo dự án						7.000.000	
1	Tổng hợp báo cáo quan trắc giai đoạn thi công trước xây dựng	báo cáo	1	1	1	4.000.000	4.000.000	Thông tư số 02/2017/TT-BTC (phụ lục 01, mục 5)
2	Chi phí dịch thuật sang tiếng Anh (báo cáo quan trắc giai đoạn thi công trước xây dựng)	trang	25	1	1	120.000	3.000.000	Thông tư số 192/2011/TT-BTC (điều 4, khoản 1b)
III	Chi phí phân tích mẫu						35.272.000	
1	Quan trắc môi trường nước mặt (01 lần trước khi thi công)						7.158.000	
1.1	pH	mẫu	2	1	1	117.000		Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
1.2	DO	mẫu	2	1	1	121.000	242.000	
1.3	TSS	mẫu	2	1	1	213.000	426.000	

	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất (lần/năm)	Số năm quan trắc	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1.4	COD	mẫu	2	1	1	329.000	658.000	
1.5	BOD ₅	mẫu	2	1	1	280.000	560.000	
1.6	Amoni (theo nito)	mẫu	2	1	1	274.000	548.000	
1.7	Nitrit	mẫu	2	1	1	287.000	574.000	
1.8	Nitrat	mẫu	2	1	1	291.000	582.000	
1.9	Clorua	mẫu	2	1	1	270.000	540.000	
1.10	Photphats	mẫu	2	1	1	320.000	640.000	
1.11	Dầu mỡ	mẫu	2	1	1	565.000	1.130.000	
1	Coliform	mẫu	2	1	1	629.000	1.258.000	
2	Quan trắc môi trường không khí xung quanh (01 lần trước khi thi công)						8.248.000	
2.1	Nhiệt độ, Độ ẩm	mẫu	4	1	1	62.000	248.000	Quyết định số 36/2020QĐ-UBND ngày 30/12/2020
2.2	Tốc độ gió	mẫu	4	1	1	62.000	248.000	
2.3	Tổng bụi lơ lửng	mẫu	4	1	1	343.000	1.372.000	
2.4	Tiếng ồn	mẫu	4	1	1	171.000	684.000	
2.5	NO ₂	mẫu	4	1	1	442.000	1.768.000	
2.6	SO ₂	mẫu	4	1	1	480.000	1.920.000	
2.7	CO	mẫu	4	1	1	502.000	2.008.000	
3	Quan trắc môi trường đất (01 lần trước khi thi công)						19.866.000	
3,1	Cd	mẫu	6	1	1	564.000	3.384.000	Quyết định số 36/2020QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3,2	As	mẫu	6	1	1	636.000	3.816.000	
3,3	Zn	mẫu	6	1	1	521.000	3.126.000	
3,4	Pb	mẫu	6	1	1	548.000	3.288.000	

	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất (lần/năm)	Số năm quan trắc	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3,5	Cu	mẫu	6	1	1	521.000	3.126.000	
3,6	Cr	mẫu	6	1	1	521.000	3.126.000	
IV	Chi phí quản lý chung (I+II)*20%						1.446.000	
V	Chi phí khác liên quan đến dự án						3.500.000	
-	Thuê xe đi lại (01 ngày)	chuyến	1	1	1	1.500.000	1.500.000	Chi phí thực tế
-	Chi phí in ấn, photo, đóng cuốn (05 cuốn BC tiếng Việt và 05 cuốn BC tiếng Anh)	cuốn	10	1	1	200.000	2.000.000	
B	Giai đoạn thi công dự án						152.069.000	
I	Chi phí nhân công lấy mẫu	công	1	2	2	227.692	911.000	Công văn 1335/UBND-CN ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh
II	Chi phí tổng hợp báo cáo dự án						41.600.000	
1	Tổng hợp báo cáo quan trắc giai đoạn thi công trước xây dựng	báo cáo	1	2	2	4.000.000	16.000.000	Thông tư số 02/2017/TT-BTC (phụ lục 01, mục 5)
2	Tổng hợp báo cáo tổng kết hoàn thành dự án (báo cáo tổng kết được tổng hợp tất cả các đợt)	báo cáo	1	1	1	10.000.000	10.000.000	

	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất (lần/năm)	Số năm quan trắc	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Chi phí dịch thuật sang tiếng Anh (báo cáo quan trắc giai đoạn thi công xây dựng)	trang	25	2	2	120.000	12.000.000	
4	Chi phí dịch thuật sang tiếng Anh (báo cáo tổng kết hoàn thành dự án)	trang	30	1	1	120.000	3.600.000	Thông tư số 192/2011/TT-BTC (điều 4, khoản 1b)
III	Chi phí phân tích mẫu						79.056.000	
1	Quan trắc môi trường nước mặt (06 tháng/lần trong giai đoạn thi công)						29.568.000	
1.1	pH	mẫu	2	2	2	117.000	936.000	Quyết định số 36/2020QĐ-UBND ngày 30/12/2020
1.2	DO	mẫu	2	2	2	121.000	968.000	
1.3	TSS	mẫu	2	2	2	213.000	1.704.000	
1.4	COD	mẫu	2	2	2	329.000	2.632.000	
1.5	BOD ₅	mẫu	2	2	2	280.000	2.240.000	
1.6	Amoni (theo nitơ)	mẫu	2	2	2	274.000	2.192.000	
1.7	Nitrit	mẫu	2	2	2	287.000	2.296.000	
1.8	Nitrat	mẫu	2	2	2	291.000	2.328.000	
1.9	Clorua	mẫu	2	2	2	270.000	2.160.000	
1.10	Photphats	mẫu	2	2	2	320.000	2.560.000	
1.11	Dầu mỡ	mẫu	2	2	2	565.000	4.520.000	
1.12	Coliform	mẫu	2	2	2	629.000	5.032.000	
2	Quan trắc môi trường không khí xung quanh (06 tháng/lần trong giai đoạn thi công)						49.488.000	

	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất (lần/năm)	Số năm quan trắc	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2.1	Nhiệt độ, Độ ẩm	mẫu	6	2	2	62.000	1.488.000	Quyết định số 36/2020QĐ-UBND ngày 30/12/2020
2.2	Tốc độ gió	mẫu	6	2	2	62.000	1.488.000	
2.3	Tổng bụi lơ lửng	mẫu	6	2	2	343.000	8.232.000	
2.4	Tiếng ồn	mẫu	6	2	2	171.000	4.104.000	
2.5	NO ₂	mẫu	6	2	2	442.000	10.608.000	
2.6	SO ₂	mẫu	6	2	2	480.000	11.520.000	
2.7	CO	mẫu	6	2	2	502.000	12.048.000	
IV	Chi phí quản lý chung (I+II)*20%						8.502.000	
V	Chi phí khác liên quan đến dự án						22.000.000	
-	Thuê xe đi lại (02 ngày)	chuyến	2	2	2	1.500.000	12.000.000	Chi phí thực tế
-	Chi phí in ấn, photo, đóng cuốn (05 cuốn BC tiếng Việt và 05 cuốn BC tiếng Anh)	cuốn	10	2	2	200.000	8.000.000	
-	Chi phí in ấn, photo, đóng cuốn báo cáo tổng kết hoàn thành dự án (05 cuốn BC tiếng Việt và 05 cuốn BC tiếng Anh)	cuốn	10	1	1	200.000	2.000.000	
C	Tổng cộng (A+B)						199.515.000	
D	Thuế VAT (C*10%)						19.952.000	
E	Tổng dự toán (C+D)						219.467.000	

4